ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Vương Thị Thu Hiền[1] - Hong Thong Chanthachith[2]

Trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế số và công nghệ 4.0, đổi mới phương thức quản lý thuế giá trị gia tăng (GTGT) là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chống thất thu và tạo thuận lợi cho người nộp thuế. Bài báo phân tích thực trạng phương thức quản lý thuế GTGT ở Việt Nam, chỉ ra các kết quả và hạn chế. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất đổi mới phương thức quản lý thuế GTGT ở Việt Nam theo hướng chuyển từ "ứng dụng công nghệ" sang "tái thiết kế phương thức quản lý trên nền tảng công nghệ 4.0", với trọng tâm là quản lý dựa trên dữ liệu và rủi ro, giám sát giao dịch và chuỗi giá trị, tăng cường tự động hóa và AI, phát triển cơ chế cảnh báo sớm và lấy tuân thủ của người nộp thuế làm trung tâm để từng bước hình thành phương thức quản lý thuế GTGT thông minh, chủ động, minh bạch và hiệu quả hơn.

• Từ khóa: *thuế GTGT, quản lý thuế, đổi mới phương thức quản lý.*

Amidst the landscape of digital transformation, the digital economy, and Industry 4.0, reforming Value Added Tax (VAT) administration methods is an urgent necessity to enhance management efficiency, prevent revenue loss, and facilitate taxpayer compliance. This article analyzes the current state of VAT administration in Vietnam, highlighting both achievements and limitations. Based on this analysis, the article proposes a reform of VAT administration methods, shifting from mere "technology application" to "redesigning management processes based on the Industry 4.0 platform." The proposed approach focuses on data- and risk-based management, monitoring of transactions and value chains, increased automation and AI integration, the development of early warning mechanisms, and a taxpayer-centric model, aiming to gradually establish a smarter, proactive, transparent, and more efficient VAT administration system.

• *Key words: VAT, tax administration, innovation in tax administration methods.*

Ngày nhận bài: 08/9/2026
Ngày gửi phản biện: 16/9/2026
Ngày duyệt đăng: 14/10/2026

1. Giới thiệu

Sự phát triển của kinh tế số, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và các giao dịch xuyên biên giới làm cho hoạt động tạo ra giá trị ngày càng phân tán, khó xác định và khó kiểm soát bằng phương thức quản lý truyền thống. Quy mô và tính phức tạp của các giao dịch GTGT ngày càng lớn, đòi hỏi cơ quan thuế phải có khả năng thu thập, kết nối và phân tích khối lượng dữ liệu để theo dõi các giao dịch phát sinh. Bên cạnh đó, gian lận thuế GTGT ngày càng tinh vi và có tính liên kết cao, đặc biệt trong các hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, gian lận khấu trừ, hoàn thuế và che giấu doanh thu. Điều này đặt ra yêu cầu chuyển từ phương thức quản lý mang tính phản ứng, chủ yếu phát hiện vi phạm sau khi xảy ra, sang quản lý chủ động dựa trên dữ liệu, phân tích rủi ro và cảnh báo sớm.

Đối với Việt Nam, những yêu cầu trên càng trở nên cấp thiết khi quá trình chuyển đổi số đã tạo ra lượng dữ liệu thuế ngày càng lớn, đặc biệt từ hóa đơn điện tử và các hệ thống thuế điện tử. Vấn đề đặt ra không còn chỉ là tiếp tục điện tử hóa các quy trình quản lý, mà quan trọng hơn là khai thác dữ liệu và công nghệ để thay đổi căn bản cách thức ra quyết định quản lý. Đổi mới phương thức quản lý thuế GTGT ở Việt Nam cần được tiếp cận theo hướng tái thiết kế mô hình quản lý trên nền tảng công nghệ 4.0, chuyển từ quản lý hồ sơ sang quản lý dữ liệu, từ quản lý người nộp thuế sang quản lý giao dịch và chuỗi giá trị, từ hậu kiểm sang cảnh báo sớm và từ xử lý thủ công sang quản lý thông minh, chủ động và dựa trên rủi ro.

2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm gần đây, đổi mới phương thức quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng trở thành một hướng nghiên cứu quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế số và sự phát triển của công nghệ 4.0.

Ở phạm vi quốc tế, OECD (2019) trong Tax Administration 3.0: The Digital Transformation of Tax Administration cho rằng chuyển đổi số đang làm thay đổi căn bản mô hình quản lý thuế, từ việc quản lý dựa trên các hồ sơ kê khai sang mô hình quản lý được tích hợp vào các hệ thống và quy trình kinh tế, trong đó dữ liệu được trao đổi và xử lý ngày càng tự động. Quan điểm này được phát triển trong OECD (2020) với cách tiếp cận Tax Administration 3.0, nhấn mạnh việc xây dựng một hệ thống quản lý thuế chủ động, liền mạch và dựa trên dữ liệu, trong đó nghĩa vụ thuế được xác định và thực hiện ngày càng gần với thời điểm phát sinh giao dịch. Theo

[1]*Học viện Tài chính; email: vuongthuhien@hvtc.edu.vn*

[2]*Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện SamNuea, tỉnh Houaphanh, nước CHDCND Lào; email: bmw.hongthong@gmail.com*

OECD (2022), sự gia tăng nhanh chóng của dữ liệu từ hóa đơn điện tử, giao dịch tài chính và các nền tảng số tạo điều kiện để cơ quan thuế nâng cao khả năng nhận diện rủi ro, phân loại người nộp thuế và lựa chọn đối tượng kiểm tra một cách chính xác hơn. IMF (2022) cũng nhấn mạnh rằng khai thác dữ liệu và phân tích rủi ro là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả quản lý thuế trong môi trường kinh tế số. OECD (2024) cho thấy các cơ quan thuế đang gia tăng sử dụng AI và các công cụ phân tích dữ liệu để phát hiện gian lận, đánh giá rủi ro, tự động hóa quy trình và hỗ trợ cán bộ thuế ra quyết định. Điều này cho thấy công nghệ 4.0 không chỉ giúp thực hiện nhanh hơn các quy trình quản lý truyền thống mà còn tạo khả năng thiết kế một phương thức quản lý mới, trong đó cơ quan thuế có thể chuyển từ phản ứng sau khi vi phạm xảy ra sang dự báo và cảnh báo rủi ro trước hoặc trong quá trình giao dịch.

Các định hướng hiện đại hóa quản lý thuế của Việt Nam cũng được thể hiện rõ trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 tại Quyết định số 508/QĐ-TTg (2022), trong đó nhấn mạnh hiện đại hóa quản lý thuế, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu và nâng cao năng lực quản lý rủi ro. Phần lớn các nghiên cứu hiện có mới tập trung vào từng công cụ, từng khâu như điện tử hóa thủ tục, hóa đơn điện tử, quản lý rủi ro, thanh tra, kiểm tra hoặc chống gian lận; chưa có nhiều nghiên cứu tiếp cận đổi mới phương thức quản lý thuế GTGT như một sự thay đổi tổng thể về mô hình quản trị. Mối liên kết giữa dữ liệu lớn, phân tích rủi ro, quản lý giao dịch và chuỗi giá trị, cảnh báo sớm, tự động hóa và AI chưa được nghiên cứu đầy đủ trong một khung phương thức quản lý thống nhất.

Các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận từng công cụ hoặc khâu quản lý thuế GTGT, trong khi chưa làm rõ đầy đủ sự chuyển đổi tổng thể từ phương thức quản lý dựa trên hồ sơ sang quản lý dựa trên dữ liệu, giao dịch và rủi ro. Mối liên kết giữa dữ liệu, phân tích rủi ro, giám sát giao dịch, cảnh báo sớm, tự động hóa và AI chưa được đặt trong một phương thức quản lý thống nhất. Đây là khoảng trống mà nghiên cứu này tập trung làm rõ.

Trên cơ sở khoảng trống trên, nghiên cứu tập trung trả lời ba câu hỏi: (1) Phương thức quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay có những kết quả và hạn chế gì? (2) Phương thức quản lý thuế GTGT cần được đổi mới theo hướng nào trong bối cảnh công nghệ 4.0? (3) Những giải pháp chủ yếu nào cần thực hiện để chuyển sang phương thức quản lý dựa trên dữ liệu, rủi ro, giao dịch và cảnh báo sớm.

Bài báo góp phần hệ thống hóa và làm rõ phương thức đổi mới quản lý thuế GTGT trong bối cảnh công nghệ 4.0; đề xuất cách tiếp cận chuyển từ "ứng dụng công nghệ" sang "tái thiết kế phương thức quản lý", với trọng tâm quản lý dựa trên dữ liệu và rủi ro, quản lý theo giao dịch và chuỗi giá trị, cảnh báo sớm, tự động hóa và AI. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hình thành phương thức quản lý thuế GTGT chủ động, thông minh và lấy tuân thủ làm trung tâm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính là chủ yếu, dựa trên việc kết hợp nghiên cứu lý thuyết, phân tích chính sách và tổng hợp thực tiễn quản lý thuế GTGT ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0. Dữ liệu và thông tin nghiên cứu được khai thác từ các văn bản pháp luật, chính sách thuế, tài liệu nghiên cứu và các báo cáo liên quan đến quản lý thuế GTGT. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp để hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn; phương pháp so sánh để nhận diện sự thay đổi trong phương thức quản lý thuế dưới tác động của công nghệ; đồng thời sử dụng phương pháp suy luận để xác định yêu cầu và định hướng đổi mới. Kết quả phân tích được tổng hợp nhằm đề xuất chuyển đổi phương thức quản lý thuế GTGT từ quản lý dựa trên hồ sơ sang quản lý dựa trên dữ liệu, từ quản lý từng người nộp thuế sang quản lý giao dịch và chuỗi giá trị, từ hậu kiểm sang giám sát và cảnh báo sớm, và từ xử lý thủ công sang tự động hóa, ứng dụng AI hỗ trợ phân tích và ra quyết định.

3. Đánh giá thực trạng phương thức quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay

3.1. Kết quả

Nhờ đẩy mạnh các phương thức quản lý thuế hiện đại, đặc biệt là hóa đơn điện tử, công tác quản lý thuế GTGT đã đạt được nhiều kết quả đột phá trong tính minh bạch và chống thất thu. Thể hiện: Phương thức quản lý thuế GTGT đã được điện tử hóa trên hầu hết các khâu cơ bản của chu trình quản lý thuế. Theo số liệu của Cục Thuế, kể từ ngày 1/7/2022, đến nay đã tiếp nhận, xử lý gần 24,5 tỷ hóa đơn, hình thành cơ sở dữ liệu lớn phục vụ hiệu quả công tác quản lý thuế. 99% doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thuế điện tử. Phương thức quản lý đã từng bước chuyển từ kiểm soát đại trà sang áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro. Năng lực thu thập, đối chiếu và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý thuế GTGT đã được cải thiện đáng kể. Phương thức kiểm tra thuế GTGT đã có sự thay đổi theo hướng tăng cường phân tích trước khi thực hiện kiểm tra trực tiếp. Theo đó, mức độ minh bạch và khả năng truy vết trong quản lý thuế GTGT đã được nâng lên. Phương thức quản lý đã có sự chuyển biến nhất định từ tư duy kiểm soát sang kết hợp giữa kiểm soát và hỗ trợ tuân thủ.

3.2. Hạn chế

Một là, phương thức quản lý GTGT ở Việt Nam vẫn còn chủ yếu dựa trên hồ sơ kê khai, trong khi dữ liệu giao dịch chưa thực sự trở thành trung tâm của toàn bộ quá trình quản lý. Điều này dẫn đến tình trạng cơ quan thuế vẫn phải dành nguồn lực đáng kể cho việc tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin sau khi người nộp thuế đã thực hiện kê khai. Trong khi đó, mô hình quản lý hiện đại cần

tiến tới việc dữ liệu giao dịch được thu thập, đối chiếu và phân tích liên tục, còn tờ khai dần trở thành kết quả tổng hợp hoặc công cụ xác nhận nghĩa vụ thuế hơn là nguồn thông tin chủ yếu để cơ quan thuế bắt đầu quá trình quản lý.

Hai là, quản lý rủi ro chưa thực sự trở thành nguyên tắc chi phối toàn bộ phương thức quản lý thuế GTGT. Ở nhiều khâu, nhận diện rủi ro vẫn chủ yếu dựa trên các chỉ tiêu và dấu hiệu đã được xác định trước hoặc trên những bất thường đã phát sinh. Khả năng dự báo các hành vi gian lận mới, phát hiện các mô hình bất thường phức tạp và tự động điều chỉnh mô hình rủi ro theo sự thay đổi của môi trường kinh doanh còn cần tiếp tục nâng cao. Quản lý rủi ro vẫn thiên nhiều về nhận diện và lựa chọn đối tượng kiểm tra hơn là trở thành một cơ chế quản trị xuyên suốt từ hỗ trợ người nộp thuế, giám sát giao dịch đến kiểm tra và xử lý vi phạm.

Ba là, đơn vị quản lý vẫn chủ yếu tập trung vào từng người nộp thuế, trong khi khả năng quản lý theo giao dịch, mạng lưới doanh nghiệp và chuỗi giá trị còn hạn chế. Các hành vi gian lận hiện đại có thể không xuất hiện rõ nếu chỉ xem xét riêng từng doanh nghiệp, bởi một doanh nghiệp có thể chỉ là một mắt xích trong chuỗi giao dịch phức tạp. Việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, tạo lập giao dịch khống hoặc gian lận hoàn thuế có thể liên quan đến nhiều doanh nghiệp và nhiều địa bàn khác nhau. Nếu phương thức quản lý chủ yếu dừng ở việc đánh giá từng hồ sơ và từng doanh nghiệp, khả năng phát hiện các mối quan hệ bất thường trong toàn bộ mạng lưới giao dịch sẽ bị hạn chế.

Bốn là, hoạt động quản lý vẫn mang tính hậu kiểm tương đối rõ, trong khi cơ chế giám sát liên tục và cảnh báo sớm chưa được phát huy đầy đủ. Trong nhiều trường hợp, quy trình quản lý vẫn diễn ra theo trình tự giao dịch phát sinh, người nộp thuế lập hóa đơn và kê khai, sau đó cơ quan thuế mới phân tích và phát hiện rủi ro. Phương thức này tạo ra độ trễ nhất định giữa thời điểm rủi ro phát sinh và thời điểm cơ quan thuế thực hiện biện pháp quản lý. Trong nền kinh tế số, nơi các giao dịch có thể phát sinh với số lượng lớn và tốc độ rất nhanh, độ trễ này có thể làm giảm khả năng ngăn ngừa vi phạm từ sớm.

Năm là, việc liên thông, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu đa nguồn chưa tương xứng với tiềm năng. Việc kết nối dữ liệu không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn liên quan đến chuẩn dữ liệu, chất lượng thông tin, cơ chế chia sẻ, tính kịp thời và năng lực phân tích. Nếu dữ liệu tồn tại ở nhiều hệ thống nhưng không được chuẩn hóa hoặc không thể kết nối hiệu quả thì cơ quan thuế có thể có nhiều dữ liệu nhưng vẫn khó hình thành được bức tranh đầy đủ về giao dịch và hoạt động kinh doanh của người nộp thuế. Do đó, hạn chế không đơn thuần là thiếu dữ liệu mà là chưa chuyển hóa đầy đủ dữ liệu thành tri thức và công cụ hỗ trợ ra quyết định quản lý.

Sáu là, mức độ tự động hóa và ứng dụng công nghệ thông minh trong phân tích và ra quyết định quản lý còn có dư địa lớn để phát triển. Nhiều quy trình đã được điện tử hóa, nhưng chưa tự động hóa toàn bộ chuỗi nghiệp vụ. Trong một số hoạt động, cán bộ thuế vẫn phải thực hiện đáng kể các công việc như rà soát, đối chiếu, tổng hợp và đánh giá thông tin. Trong khi đó, những nhiệm vụ có tính lặp lại, khối lượng lớn và có thể chuẩn hóa hoàn toàn có thể được tự động hóa để nâng cao năng suất và giảm rủi ro chủ quan.

Bảy là, vai trò của cán bộ thuế chưa được chuyển đổi đầy đủ từ xử lý nghiệp vụ sang phân tích và quản trị rủi ro. Khi công nghệ số được ứng dụng ngày càng rộng rãi, yêu cầu đối với cán bộ thuế không chỉ dừng lại ở kiến thức pháp luật và kỹ năng xử lý nghiệp vụ mà còn bao gồm năng lực phân tích dữ liệu, đánh giá mô hình kinh doanh, nhận diện rủi ro và sử dụng các công cụ công nghệ. Nếu tổ chức bộ máy, quy trình công việc và tiêu chí đánh giá vẫn chủ yếu hướng vào số lượng hồ sơ hoặc khối lượng công việc xử lý thì sẽ khó tạo động lực cho sự chuyển đổi sang phương thức quản lý thông minh. Vì vậy, hạn chế của phương thức quản lý không chỉ nằm ở hệ thống công nghệ mà còn nằm ở yếu tố con người và cách thức tổ chức hoạt động quản lý.

4. Giải pháp đổi mới phương thức quản lý thuế GTGT ở Việt Nam trong thời gian tới

Thứ nhất, chuyển đổi mô hình quản lý thuế GTGT từ quản lý hồ sơ sang quản lý giao dịch và chuỗi giá trị

Cần đổi mới căn bản tư duy quản lý thuế GTGT, chuyển trọng tâm từ quản lý từng người nộp thuế và từng bộ hồ sơ sang quản lý giao dịch, dòng vận động của thuế và chuỗi giá trị. Đối tượng quản lý không chỉ là một doanh nghiệp mà là mạng lưới các giao dịch tạo ra doanh thu, thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT đầu vào và quyền khấu trừ, hoàn thuế. Theo đó, cơ quan thuế cần phân tích đồng thời mối quan hệ giữa bên bán, bên mua, hàng hóa, giá trị giao dịch, hóa đơn và dòng vận động của hàng hóa, tiền và thuế. Phương thức này giúp nhận diện tốt hơn các giao dịch khống, mua bán hóa đơn, khai khống thuế GTGT đầu vào và gian lận hoàn thuế. Đồng thời, cần mở rộng mô hình quản lý đối với kinh tế số, thương mại điện tử và các hoạt động xuyên biên giới trên cơ sở kết hợp thông tin định danh pháp lý với dấu vết giao dịch số

Thứ hai, xây dựng nền tảng dữ liệu thuế GTGT hợp nhất và kết nối liên ngành

Cần xây dựng hệ thống dữ liệu GTGT tích hợp, kết nối dữ liệu đăng ký thuế, kê khai, hóa đơn điện tử, nộp thuế, hoàn thuế, nợ thuế, thanh tra, kiểm tra với các nguồn dữ liệu được pháp luật cho phép khai thác, đặc biệt là dữ liệu hải quan. Trọng tâm không phải chỉ là gia tăng lượng dữ liệu mà là liên kết và chuẩn hóa dữ liệu theo người nộp thuế, giao dịch, hóa đơn, hàng hóa, thời gian và chuỗi cung ứng.

Trên cơ sở đó, hình thành hồ sơ dữ liệu toàn diện của người nộp thuế và khả năng truy vết giao dịch xuyên suốt chuỗi giá trị. Đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và hoàn thuế GTGT, cần tăng cường kết nối dữ liệu giữa cơ quan thuế, hải quan và các cơ quan quản lý có liên quan để phát hiện sớm các chuỗi giao dịch bất thường

Thứ ba, đột phá quản lý rủi ro bằng AI, Machine Learning và phân tích mạng lưới giao dịch

Cần chuyển quản lý rủi ro GTGT từ các tiêu chí đơn lẻ sang phân tích đa chiều và dự báo rủi ro bằng AI/Machine Learning. Hệ thống có thể xây dựng điểm rủi ro cho người nộp thuế, hồ sơ và giao dịch dựa trên các chỉ báo như biến động doanh thu, tỷ lệ thuế đầu vào – đầu ra, giá trị và tần suất hóa đơn, lịch sử hoàn thuế, nợ thuế, lịch sử tuân thủ và quan hệ giao dịch với các đối tượng rủi ro. Đồng thời, ứng dụng phân tích mạng lưới giao dịch để nhận diện mối liên hệ bất thường giữa các doanh nghiệp và truy tìm các doanh nghiệp nằm trước hoặc sau một giao dịch có dấu hiệu rủi ro. Qua đó, quản lý thuế chuyển từ phát hiện vi phạm sau khi xảy ra sang dự báo và cảnh báo khả năng vi phạm trước khi gây tổn thất ngân sách.

Thứ tư, tái thiết kế quy trình quản lý theo hướng giám sát gần thời gian thực, tự động hóa và kiểm soát theo rủi ro

Cần chuyển từ mô hình quản lý thiên về hậu kiểm sang giám sát và cảnh báo sớm, đặc biệt thông qua khai thác dữ liệu hóa đơn điện tử. Hệ thống cần liên tục nhận diện các dấu hiệu như doanh thu tăng đột biến, số lượng hóa đơn bất thường, hóa đơn đầu vào không tương xứng với quy mô hoạt động hoặc giao dịch với doanh nghiệp có rủi ro cao. Đồng thời, tái thiết kế quy trình hoàn thuế theo nguyên tắc "tự động hóa đối với rủi ro thấp, kiểm soát chuyên sâu đối với rủi ro cao". RPA có thể đảm nhiệm các công việc có tính quy tắc như đối chiếu, tổng hợp, phân loại và luân chuyển hồ sơ; AI hỗ trợ phát hiện bất thường; BI hỗ trợ phân tích và trực quan hóa dữ liệu. Kiểm tra, thanh tra được chuyển từ diện rộng sang kiểm tra có trọng điểm, dựa trên rủi ro và bằng chứng dữ liệu.

Thứ năm, chuyển từ quản lý vi phạm sang quản lý tuân thủ và cung cấp dịch vụ thuế theo mức độ rủi ro

Cần xây dựng mô hình quản lý dựa trên mức độ tuân thủ của người nộp thuế, thay vì tập trung chủ yếu vào việc phát hiện và xử lý vi phạm. Trên cơ sở lịch sử kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, kết quả thanh tra, kiểm tra và các chỉ báo rủi ro, cơ quan thuế phân nhóm người nộp thuế theo mức độ tuân thủ và áp dụng phương thức quản lý tương ứng. Người nộp thuế có mức độ tuân thủ cao được giảm thiểu can thiệp hành chính, được hỗ trợ và xử lý nhanh hơn; nhóm có rủi ro cao được tăng cường giám sát, xác minh và kiểm tra. Cách tiếp cận này tạo ra "lợi ích của tuân thủ", qua đó thúc đẩy tuân thủ tự nguyện và chuyển phương thức quản lý từ thiên về cưỡng chế sang kết hợp kiểm soát – hỗ trợ – khuyến khích tuân thủ.

Thứ sáu, hoàn thiện quản trị dữ liệu, quản trị thuật toán và mô hình "con người – công nghệ" trong quản lý thuế

Ứng dụng công nghệ 4.0 phải đi cùng với quản trị dữ liệu và quản trị thuật toán. Cần bảo đảm chất lượng dữ liệu đầu vào, chuẩn hóa dữ liệu, phân quyền truy cập, bảo mật, khả năng truy xuất nguồn gốc và kiểm định định kỳ các mô hình AI/ML. Các tiêu chí chấm điểm rủi ro và kết quả phân tích của AI cần có khả năng giải thích, kiểm chứng và không được mặc nhiên coi là bằng chứng kết luận vi phạm. Vì vậy, cần áp dụng mô hình "human-in-the-loop", trong đó máy móc thực hiện các công việc có tính quy tắc, phát hiện và dự báo rủi ro; cán bộ thuế kiểm chứng thông tin, đánh giá bằng chứng và chịu trách nhiệm về quyết định quản lý. Đây là điều kiện quan trọng để vừa khai thác hiệu quả công nghệ 4.0 vừa bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch, trách nhiệm giải trình và quyền của người nộp thuế.

5. Kết luận

Đổi mới phương thức quản lý thuế GTGT ở Việt Nam trong bối cảnh công nghệ 4.0 là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, chống thất thu và tạo thuận lợi cho người nộp thuế. Đổi mới trong thời gian tới cần vượt ra khỏi phạm vi "ứng dụng công nghệ" để tiến tới "tái thiết kế phương thức quản lý trên nền tảng công nghệ", với trọng tâm là chuyển từ quản lý hồ sơ sang quản lý dữ liệu, từ quản lý từng người nộp thuế sang quản lý giao dịch và chuỗi giá trị, từ hậu kiểm sang cảnh báo sớm, từ quản lý đại trà sang quản lý theo rủi ro và từ xử lý thủ công sang tự động hóa, AI hỗ trợ ra quyết định. Qua đó, từng bước hình thành mô hình quản lý thuế GTGT thông minh, chủ động, minh bạch và lấy tuân thủ của người nộp thuế làm trung tâm.

Tài liệu tham khảo:

Keen, M., & Smith, S. (2007). VAT fraud and evasion: What do we know, and what can be done? National Tax Journal, 60(4), 861–887.

OECD. (2019). Tax Administration 3.0: The Digital Transformation of Tax Administration. OECD Publishing.

OECD. (2020). Tax Administration 3.0: The Digital Transformation of Tax Administration. OECD Publishing.

OECD. (2022). Tax Administration 2022: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies. OECD Publishing.

OECD. (2024). Tax Administration 2024: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies. OECD Publishing.

IMF. (2022). Digital Solutions for Tax Administration. International Monetary Fund.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15.

Luật sửa đổi số 149/2025/QH15.

Nghị định số 359/2025/NĐ-CP.